

Số: 15 /2024/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1082/TTr-SNV ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo số 438/BC-SNV ngày 24 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020

của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TĐKT Trung ương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.NC;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT. (H484)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không quy định trong văn bản này, thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 98/2023/NĐ-CP), Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2024/TT-BNV) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

2. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, đội, phân xưởng sản xuất của các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác; phòng, khoa thuộc Trung tâm y tế cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh; tiểu đội thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị cấp đội và tương đương thuộc các phòng, trại, cơ quan thuộc Công an tỉnh, đơn vị cấp đội, đồn, Công an xã, phường, thị trấn thuộc Công an các huyện, thị xã, thành phố;

phòng và tương đương thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành).

2. Người lao động trực tiếp là người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm: công nhân, nông dân, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động.

3. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội.

4. Hiệp ý khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được hiểu là: các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.

Điều 4. Quy định chung về công tác khen thưởng

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được xét khen thưởng ở mức cao hơn.

2. Khi khen thưởng hoặc xét trình cấp trên khen thưởng công trạng đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

3. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau. Không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

4. Chỉ lấy kết quả khen thưởng công trạng (tổng kết công tác năm) của cơ quan, đơn vị, địa phương làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng.

5. Không khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; công tác tổ chức, tuyên truyền, bảo vệ (đại hội, lễ hội, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội thao, hội diễn, hội thi).

6. Chỉ khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên đề đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua của tỉnh hoặc tổng kết phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 03 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và được giao chỉ tiêu khen thưởng).

7. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và khen thưởng việc thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Trong một năm, tập thể, cá nhân tham gia nhiều phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) hoặc thực hiện nhiều nhiệm vụ theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thì cũng chỉ được xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh một lần.

9. Trong một năm, mỗi tập thể, cá nhân được xét đề nghị khen thưởng công trạng (tổng kết công tác năm) một lần đối với một trong các hình thức: Giấy khen; Bằng khen (của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Thủ tướng Chính phủ); Huân chương. Các tập thể, cá nhân đã được khen thưởng cấp Nhà nước (khen thưởng công trạng) thì năm đề nghị khen thưởng và năm liền kề không xét đề nghị Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của tập thể, cá nhân hằng năm là cơ sở để xét khen thưởng.

11. Đối với các chuyên án của Công an tỉnh, chỉ thực hiện việc khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

12. Khi xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải họp và bỏ phiếu kín theo quy định tại khoản 7 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

13. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

14. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước khi trình cấp trên khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua và tổ chức thực hiện các hình thức thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tổ chức thực hiện các hình thức thi đua

a) Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên mang tính toàn diện, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm của đơn

vị. Ngay từ đầu năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, xây dựng nội dung chỉ tiêu, tiêu chí thi đua và tổ chức ký kết, giao ước thi đua cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn triển khai thực hiện; đồng thời, tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm.

b) Việc tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề chỉ thực hiện khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp. Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề trong toàn ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để theo dõi và hướng dẫn xét khen thưởng theo quy định.

c) Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc (đối với phong trào có thời gian phát động từ 03 năm trở lên) mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm phát động các phong trào thi đua, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi mình quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được giao; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, tạo điều kiện cho cá nhân được khen thưởng giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến, cách làm hay, hiệu quả.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh):

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của

tỉnh, giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định thành tích; tham mưu Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

c) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh, các cơ quan thông tin truyền thông phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến; hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động Cụm, Khối thi đua và giám sát việc tổ chức thực hiện các phong trào thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Phòng (Ban, Bộ phận), công chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Tổ chức Cụm, Khối thi đua

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các Cụm, Khối thi đua và xây dựng quy định hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua theo quy định.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng hằng năm cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1

Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành tốt nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

b) Tích cực học tập chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Có đạo đức, lối sống lành mạnh; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân;

b) Tích cực tham gia các cuộc vận động do các cấp tổ chức, triển khai.

Ngoài những tiêu chuẩn trên:

- Đối với công nhân: tích cực giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề; có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất; trong sản xuất có sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc áp dụng cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động được người đứng đầu đơn vị công nhận.

- Đối với nông dân: có mô hình sản xuất hiệu quả, tích cực giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động được Chủ tịch UBND cấp xã công nhận.

- Đối với người lao động: áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất; có cách làm mang lại hiệu quả cao trong lao động, sản xuất được người đứng đầu đơn vị, địa phương công nhận.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phép quy định thêm một số tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến (nếu xét thấy cần thiết) để phù hợp với tình hình thực tế ở cơ sở nhưng không được trái với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể thực hiện theo khoản 5 Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 1/2024/TT-BNV.

Điều 11. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của Cụm, Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

c) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố

mới, mô hình mới để các đơn vị khác học tập.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Hằng năm được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các nội dung của phong trào thi đua.

d) Có tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và khen thưởng theo thẩm quyền.

đ) Thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng, điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

e) Hoàn thành 100% trở lên các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong Phong trào.

g) Được cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu khen thưởng.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Đối với sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh gồm:

- Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh.

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

b) Đối với cấp huyện gồm:

- Các phòng, ban chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Các ban xây dựng Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể, các tổ chức hội cấp huyện.

c) Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với doanh nghiệp gồm: các phòng, ban, xí nghiệp, nông trường, phân xưởng sản xuất, tổ, đội và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:



a) Không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

b) Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh thì các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách phải ổn định, tăng trưởng và vượt kế hoạch đề ra; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

a) Đối với sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh gồm:

- Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh.

- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

- Các phòng, trung tâm và tương đương thuộc các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

b) Đối với cấp huyện gồm:

- Các phòng, ban chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Các ban xây dựng Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể, các tổ chức Hội cấp huyện.

c) Đối với cấp xã: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

d) Đối với doanh nghiệp gồm: Các phòng, ban, xí nghiệp, nông trường, phân xưởng sản xuất, tổ, đội và tương đương.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng và có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao trở lên.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phép quy định thêm một số tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến (nếu xét thấy cần thiết) để phù hợp với tình hình thực tế ở cơ sở nhưng không được trái với quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu; thôn, ấp, khu phố văn hóa; “Gia đình văn hóa”

Việc xét, công nhận danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu; thôn, ấp, khu phố văn hóa; “Gia đình văn hóa” thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự thủ tục, hồ sơ tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, ấp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 15. Kỷ niệm chương của UBND tỉnh

Tên Kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng công trạng:

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

Ngoài tiêu chuẩn trên:

- Đối với tập thể được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hằng năm về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, dân vận chính quyền thì kết quả xếp loại đối với từng nhiệm vụ phải đạt ở mức “Hoàn thành tốt” trở lên.

- Đối với tập thể được cấp có thẩm quyền công nhận an toàn về an ninh, trật tự thì kết quả công nhận phải ở mức “Đạt”.

- Đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

- Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh thì thực hiện tốt chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động, đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm.

2. Khen thưởng đột xuất:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lập được thành tích đột xuất (thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm hoặc được giao) hoặc thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu).

3. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề):

a) Đối với những phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, lựa chọn các tập thể, cá nhân xuất sắc đủ tiêu chuẩn khen



thưởng, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen theo số lượng quy định (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ đối tượng, phạm vi của từng phong trào thi đua để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cụ thể trong văn bản phát động phong trào thi đua).

b) Đối với những phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 03 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và được giao chỉ tiêu khen thưởng), khi tiến hành tổng kết phong trào thi đua, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn những tập thể, cá nhân xuất sắc đủ tiêu chuẩn khen thưởng, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen (giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ đối tượng, phạm vi của phong trào thi đua để giao chỉ tiêu khen thưởng cho cơ quan, đơn vị, địa phương, số lượng không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân).

c) Tỷ lệ đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên) không quá 35% tổng số cá nhân được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

4. Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày tái lập hoặc thành lập (hoặc ngày giải phóng) các huyện, thị xã, thành phố năm tròn (có văn bản phát động phong trào thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố), số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 07 tập thể, 15 cá nhân.

5. Khen thưởng Đại hội Thi đua yêu nước của tỉnh, Hội nghị tổng kết công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh, Hội nghị tổng kết hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh; kỷ niệm ngày tái lập tỉnh (hoặc ngày giải phóng tỉnh), các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước năm tròn (theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo các ngày lễ lớn tỉnh) hoặc tổ chức các sự kiện quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh (do Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì), số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hoặc chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Khen thưởng sơ kết, tổng kết (thời gian thực hiện nhiệm vụ dưới 05 năm): số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 03 tập thể, 06 cá nhân (đối với hội nghị sơ kết) và không vượt quá 04 tập thể, 08 cá nhân (đối với hội nghị tổng kết).

b) Khen thưởng sơ kết, tổng kết (thời gian thực hiện nhiệm vụ từ 05 năm trở lên): số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 04 tập thể, 08 cá nhân (đối với hội nghị sơ kết) và không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân (đối với hội nghị tổng kết).

c) Tỷ lệ đề nghị khen thưởng cho đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên) không quá 35% tổng số cá nhân được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

7. Khen thưởng thành tích xuất sắc tiêu biểu trong từng lĩnh vực:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho các tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có thành tích trong các trường hợp sau:

a) Đạt giải (hoặc huy chương) trong các kỳ thi, cuộc thi, các giải thi đấu quốc tế (đối với lĩnh vực thể thao không tính các giải mở rộng).

b) Đạt giải ba trở lên (giải C hoặc huy chương đồng trở lên) trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (không tính các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội diễn cấp khu vực, vùng, miền).

Đối với vận động viên thể thao: Đạt huy chương đồng trở lên (hoặc nhất, nhì, ba) tại Đại hội thể thao toàn quốc và giải vô địch quốc gia; vận động viên đạt huy chương vàng (hoặc hạng nhất) tại các giải vô địch Cúp các Câu lạc bộ quốc gia, các đội mạnh quốc gia, vô địch trẻ quốc gia, hội thi, hội diễn và các giải thể thao quần chúng cấp quốc gia.

c) Đạt giải đặc biệt, giải nhất (hoặc giải A) trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh (theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Tỉnh ủy).

d) Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên: đạt huy chương tại các kỳ thi, giải thi đấu quốc tế (không tính các giải mở rộng); đạt huy chương đồng trở lên (hoặc nhất, nhì, ba) tại Đại hội thể thao toàn quốc và giải vô địch quốc gia; đạt huy chương vàng (hoặc hạng nhất) tại các giải vô địch Cúp các Câu lạc bộ quốc gia, các đội mạnh quốc gia, vô địch trẻ quốc gia; hội thi, hội diễn và các giải thể thao quần chúng cấp quốc gia.

đ) Giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh đạt giải (hoặc huy chương) trong các kỳ thi, cuộc thi quốc tế và đạt giải ba trở lên (giải C hoặc huy chương đồng trở lên) trong các kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia.

e) Tập thể, cá nhân là điển hình tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh hàng năm hoặc giai đoạn. Tập thể, cá nhân tiêu biểu được UBND tỉnh lựa chọn tham dự Đại hội thi đua yêu nước, Hội nghị điển hình tiên tiến toàn quốc.

g) Tấm gương “người tốt, việc tốt”; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong lao động sản xuất, công tác, chiến đấu (có sức lan tỏa trong phạm vi toàn tỉnh), được người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện đề nghị khen thưởng.

h) Các tác phẩm báo chí (của các cơ quan báo chí ngoài tỉnh) viết có chất lượng về tỉnh Bình Phước: giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 10 tác phẩm/năm.

i) Cá nhân tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ loại giỏi, xuất sắc, lập được nhiều thành tích trong công tác và trí thức tiêu biểu (có 03 năm liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên): giao Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần.

k) Công nhân lao động giỏi, lao động sáng tạo: giao Liên đoàn Lao động tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 120 cá nhân.

l) Hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi: giao Hội Nông dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 120 hộ.

m) Người dân tộc thiểu số tiêu biểu: giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 20 người/năm.

n) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác vận động hiến máu tình nguyện: giao Hội Chữ thập đỏ tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 15 tập thể và 10 cá nhân/năm. Việc khen thưởng cá nhân và gia đình hiến máu tình nguyện lần thứ 20 trở lên thực hiện theo Quy chế của Ban Chỉ đạo Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện và tình hình thực tế của tỉnh.

o) Tập thể, cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 10 tập thể, 15 cá nhân/năm và giai đoạn 05 năm.

p) Hộ nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người khuyết tật tiêu biểu vươn lên trong cuộc sống: giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn theo quy định, định kỳ 03 năm một lần, số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không vượt quá 20 chỉ tiêu cho mỗi đối tượng.

q) Người thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế: giao Cục Thuế tỉnh hàng năm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xét chọn và đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ các quy định, hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh chủ trì, phối hợp

với các cơ quan, đơn vị có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chuẩn, quy trình xét, đề nghị khen thưởng cho từng đối tượng.

8. Khen thưởng công nhân, nông dân, người lao động:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực, ngành.

c) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích, có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị, doanh nghiệp hoặc địa bàn cấp xã và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề, được cấp có thẩm quyền công nhận.

d) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động, được cấp có thẩm quyền công nhận và đạt danh hiệu Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp huyện.

9. Khen thưởng hộ gia đình

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên trở lên.

10. Khen thưởng đóng góp:

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị ngành dọc Trung ương, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác hoặc các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động tài trợ, ủng hộ trong các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh, cấp quốc gia và đóng góp hiện vật, cổ vật có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tổ chức, tập thể, cá nhân, nhà từ thiện trong và ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp trong công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của tỉnh.

11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân thuộc đối tượng khen thưởng cống hiến, đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ nhưng chưa đủ tiêu chuẩn về thời gian giữ chức vụ để đề nghị khen thưởng cống hiến (áp dụng

đối với các trường hợp có 05 năm liên tục trước thời điểm nghỉ hưu được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, chưa được khen thưởng cấp tỉnh hoặc cấp Nhà nước).

12. Khen thưởng Cụm, khối thi đua:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc được Cụm, Khối thi đua bình xét hằng năm theo Quy định về tổ chức chia Cụm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

13. Khen thưởng đối ngoại:

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp trong xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

14. Các trường hợp khác, giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ tình hình cụ thể tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 17. Giấy khen

1. Khen thưởng công trạng:

a) Giấy khen để tặng hằng năm cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, giữ gìn đoàn kết nội bộ; gương mẫu chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị;
- Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Giấy khen để tặng hằng năm cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”;
- Thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Ngoài tiêu chuẩn trên:

- Đối với tập thể được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hàng năm về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, dân vận chính quyền thì kết quả xếp loại đối với từng nhiệm vụ phải đạt ở mức “Hoàn thành tốt” trở lên.

- Đối với tập thể được cấp có thẩm quyền công nhận an toàn về an ninh, trật tự thì kết quả công nhận phải ở mức “Đạt”.

- Đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phép quy định thêm một số tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen (nếu xét thấy cần thiết) để phù hợp với tình hình thực tế ở cơ sở, nhưng không được trái với quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

2. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị dưới 100 triệu đồng (giao các cơ quan, đơn vị, địa phương tùy tình hình thực tế để quy định cụ thể mức đóng góp).

3. Giấy khen để tặng cho cá nhân (bao gồm cả công nhân, nông dân, người lao động), tập thể, hộ gia đình có thành tích đột xuất; thành tích trong phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề); thành tích từ thiện, nhân đạo; thành tích đóng góp và các thành tích khác: giao các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và tình hình thực tế để quy định cụ thể tiêu chuẩn xét tặng.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, CƠ CẤU XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 18. Trường hợp không xét danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể:

- a) Mới thành lập, thời gian hoạt động dưới 12 tháng.
- b) Có vụ việc sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.
- c) Nội bộ mất đoàn kết hoặc để xảy ra vụ việc gây ảnh hưởng xấu trong xã hội.
- d) Có cá nhân trong tập thể bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (trừ xét danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; đối với tập thể UBND cấp huyện chỉ tính cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ cấp huyện quản lý).

2. Đối với cá nhân:

a) Mới tuyển dụng dưới 06 tháng; nghỉ làm việc trên 40 ngày trong một năm (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế).

b) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 19. Trường hợp không xét hình thức khen thưởng

1. Đối với tập thể:

- a) Có vụ việc sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.
- b) Để xảy ra tham nhũng, lãng phí gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước.

c) Nội bộ mất đoàn kết hoặc để xảy ra vụ việc gây ảnh hưởng xấu trong xã hội.

d) Có cá nhân trong tập thể bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với tập thể UBND cấp huyện chỉ tính cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ cấp huyện quản lý).

2. Đối với cá nhân:

a) Có sai phạm đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

b) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 20. Trường hợp chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng

Trường hợp chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng thực hiện theo khoản 4 Điều 4 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 21. Cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng công trạng (khen thưởng tổng kết công tác năm)

1. Cơ cấu xét khen thưởng:

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng.

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao để xét riêng như sau:

- Cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương).

- Cá nhân giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương.

- Cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo.

- Nhân viên lái xe, bảo vệ, phục vụ.

2. Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị thuộc và trực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương (từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên), tỷ lệ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không quá 30% trong tổng số cá nhân được đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 22. Thẩm quyền của Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân

Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 23. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, điển hình tiên tiến cấp tỉnh, hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

c) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý và hiệp y các trường hợp do các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương đề nghị hiệp y để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

d) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến của UBND cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác không thuộc quyền quản lý của tỉnh nhưng có thành tích đóng góp cho địa phương ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

đ) Cho ý kiến đối với các trường hợp do sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh đề nghị bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp của tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền và trình cấp trên khen thưởng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh cho ý kiến về việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) đối với tập thể là đơn vị trực thuộc huyện, thị xã, thành phố và cá nhân là trưởng các phòng, ban, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể ở cấp huyện nhưng thuộc sự quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ý kiến đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị

và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Trung ương đóng trên địa bàn thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) về nội dung chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt tại địa phương).

5. Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy xem xét, có ý kiến bằng văn bản trước khi trình khen thưởng cấp Nhà nước trong các trường hợp:

a) Khen thưởng cho cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy quản lý.

b) Các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”.

6. Sở Ngoại vụ cho ý kiến đối với khen thưởng đối ngoại và khen thưởng có yếu tố nước ngoài; Công an tỉnh cho ý kiến đối với khen thưởng đối ngoại và khen thưởng tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo; Sở Nội vụ cho ý kiến đối với tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

7. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Thanh tra tỉnh và Công an tỉnh cho ý kiến đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước và một số trường hợp đề nghị khen thưởng cấp tỉnh (theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

8. Cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường, lao động, y tế có thẩm quyền cho ý kiến đối với việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; xác nhận đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh) theo đề nghị của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác hoặc của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

9. Khi có văn bản xin ý kiến của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 05 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng hoặc hiệp y khen thưởng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được lấy ý kiến.

Điều 24. Trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào dịp ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước; Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; ngày truyền thống, ngày kỷ niệm, Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối với các trường hợp khen thưởng gương “người tốt, việc tốt”; thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất (khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước), giao cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng.

3. Trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại các hội nghị do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoặc hội nghị do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức có lãnh đạo tỉnh tham dự, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với Ban tổ chức hội nghị để thực hiện việc trao thưởng.

4. Các hội nghị do cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức mà không có lãnh đạo tỉnh tham dự thì đơn vị chủ động thực hiện việc trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

5. Đối với trường hợp khen thưởng đối ngoại: Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trao tặng theo đúng quy định.

Điều 25. Tuyên trình khen thưởng

1. Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thẩm quyền khen thưởng, trình khen thưởng đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 26. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2; điểm a, b, c, g, p khoản 7; khoản 13 Điều 16 Quy định này (hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

3. Khi trình hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word/ file excel và file pdf) của hồ sơ đến Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh qua “Phần mềm tác nghiệp và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ công tác thi đua, khen thưởng tỉnh Bình Phước” (<http://khenthuong.binhphuoc.gov.vn/>), trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

Điều 27. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh:

a) Đối với khen thưởng công trạng (khen thưởng tổng kết công tác năm) và khen thưởng Cụm, Khối thi đua (theo khoản 1 và khoản 12 Điều 16 Quy định này): gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 15 tháng 3 hằng năm; hệ thống giáo dục quốc dân gửi trước ngày 31 tháng 8 hằng năm.

b) Đối với các trường hợp khen thưởng theo khoản 3, 4, 5, 6, điểm d, đ, h, i, k, l, m, n, o, q khoản 7, khoản 8, 9, 10, 11 Điều 16 Quy định này: gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc.

c) Đối với các trường hợp khen thưởng theo khoản 2; điểm a, b, c, e, g, p khoản 7, khoản 13 Điều 16 Quy định này: gửi hồ sơ trực tiếp về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc (riêng hồ sơ đề nghị khen thưởng theo khoản 2 Điều 16 Quy định này gửi trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 05 ngày làm việc).

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 15 tháng 3 hằng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng đối ngoại và khen thưởng đối với hệ thống giáo dục quốc dân).

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với hệ thống giáo dục quốc dân: các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 31 tháng 8 hằng năm.

Điều 28. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân hoặc xác nhận khen thưởng khi tổ chức, cá nhân đề nghị.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 29. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương)

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 90 Luật Thi đua, khen thưởng và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

b) Căn cứ tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định số lượng thành viên Hội đồng. Trong đó, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo phòng, ban, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn; các thành viên khác gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương “người tốt, việc tốt” và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố; phòng Tổ chức - Cán bộ hoặc phòng Tổ chức - Hành chính hoặc Văn phòng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội, đoàn thể cấp tỉnh; Văn phòng - Thống kê thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 30. Hội đồng sáng kiến và việc công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Việc thành lập Hội đồng sáng kiến để xét sáng kiến và đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Việc công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 01/2024/TT-BNV.

Chương VII

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh

nghiệp do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Điều 32. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua, hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và chi tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới.

2. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và một số quy định cụ thể sau:

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với khen thưởng công trạng (tổng kết công tác năm) được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (riêng doanh nghiệp của tỉnh, trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị để chi thưởng).

b) Tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp khen thưởng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9; khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 16 Quy định này được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh (trừ các trường hợp khen thưởng quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 7 Điều 16 và khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc doanh nghiệp trong việc thực hiện tốt chính sách pháp luật về thuế).

c) Đối với các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị ngành dọc Trung ương, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp hoặc các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh hoặc nước ngoài có nhiều đóng góp trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; các tổ chức từ thiện, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh có nhiều đóng góp trong công tác xã hội của tỉnh hoặc các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho các hoạt động tài trợ, ủng hộ trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh và cấp quốc gia; đóng góp hiện vật, cổ vật theo quy định tại khoản 10 Điều 16 Quy định này thì không thực hiện việc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản

quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 34. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Điều 35. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu; thôn, ấp, khu phố văn hóa; “Gia đình văn hóa” trên cơ sở khung tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự thủ tục, hồ sơ tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, ấp, khu phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Điều 36. Sở Nội vụ có trách nhiệm

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tên Kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

